TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2018/HNGĐ-ST
Ngày 14-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phước
2. Ông Đặng Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 33/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1984
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1981

Cùng trú tại: Phường KT, quận CL, thành phố Đà Nẵng.

(Bà N, ông T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 01 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Lê Thị Tuyết N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND phường KT, quận CL, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại phường KT, quận CL, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp, vợ chồng hay cãi vã nhau và nhiều lần xảy ra xô xát, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả và từ thời gian đó đến nay do mâu thuẫn vợ chồng quá trầm trọng nên bà và ông T đã tự động sống ly thân với nhau mỗi người một nơi không có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống.

Hiện nay về mặt tình cảm, bà N không còn thương yêu ông Nguyễn Văn T và theo bà thì mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn để sống chung với nhau được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung tên là Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/10/2009 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2015. Ly hôn, bà N có nguyện vọng được nuôi con chung Nguyễn Thị Bích H và giao con chung Nguyễn Xuân V cho ông T nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại đơn đề nghị ngày 13 tháng 3 năm 2018, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông T xác nhận về thời gian, địa điểm và điều kiện kết hôn như bà N trình bày là đúng. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có hay cãi vã nhau và có lần xảy ra xô xát, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn vì vẫn còn thương yêu bà N và mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng vẫn có thể hàn gắn để tiếp tục chung sống.

- Về quan hệ con chung: Ông T xác nhận vợ chồng có 02 con chung như bà N trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Từ khi thụ lý đến trước thời điểm mở phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký tòa án, nguyên đơn dân sự tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn dân sự chưa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự như có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không viết bản tự khai, không ký vào các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

+Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ, đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tuyết N, xử cho bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

+ Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét giao con chung Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2015 cho bà N nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/10/2009 cho ông T nuôi dưỡng; không bên nào cấp dưỡng cho bên nào.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

+ Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T. Tại phiên tòa, các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn và bị đơn không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Tuyết N và ông Nguyễn Văn T kết hôn năm 2008 tại UBND phường KT, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại phiên tòa, bà N cho rằng tình cảm giữa bà và ông T không còn nên kiên quyết ly hôn. Ông T không đồng ý ly hôn và cho rằng vẫn còn thương yêu bà N và mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng vẫn có thể hàn gắn để tiếp tục chung sống.

Xét, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự tại các phiên hòa giải, kết quả xác minh tại địa phương, các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và qua kết quả tranh luận tại phiên toà cho thấy trong quá trình chung sống giữa bà N và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã, sống không hạnh phúc. Năm 2017, bà N đã hai lần làm đơn ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, trong hai lần này thì một lần Tòa án cho bà N và ông T đoàn tụ, một lần Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án do bà N rút đơn xin ly hôn với ông T; hiện tại bà N và ông T không sống chung với nhau, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T là trầm trọng,vợ chồng sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không còn. Mặc dù, tại phiên tòa ông T không đồng ý ly hôn và cho rằng vẫn còn thương yêu bà N và mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng vẫn có thể hàn gắn để tiếp tục chung sống nhưng ông T chưa có hướng khắc phục tình trạng hôn nhân rạn nứt của hai vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Nhung và ông T có 02 con chung là Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/10/2009 và Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2015. Ly hôn, bà N yêu cầu nhận nuôi dưỡng cháu H, giao cháu V cho ông T nuôi dưỡng; ông T không đồng ý ly hôn nên không đặt vấn đề về quyền nuôi con. Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N nên cần thiết phải giao con chung cho bà N và ông T nuôi dưỡng là phù hợp. Xét thấy, cháu Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/10/2009 hiện

nay hơn 07 tuổi và có bản khai xin được ở với ông T nên cần tôn trọng ý chí, nguyện vọng của cháu V xử giao cháu V cho ông T được quyền nuôi dưỡng và xử giao cháu H cho bà N nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Do bà N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0276 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tại phiên tòa là đúng quy định của pháp luật nên Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình; các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Tuyết N về việc yêu cầu xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Tuyết N được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 21/9/2015 cho bà Lê Thị Tuyết N nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Xuân V, sinh ngày 04/10/2009 cho ông Nguyễn Văn T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản, khi cần thiết vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Lê Thị Tuyết N phải chịu là 300.000 đồng nhưng được trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0276 ngày 28 tháng 02 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, bà N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Cẩm Lệ;*
- *Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;*
- *Các đương sự;*
- *UBND phường KT;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Thọ